

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển đại học hệ chính quy,
khoa 17 (2023 – 2027), đợt 2 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học TDTT Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-TDĐTĐN ngày 28/3/2023 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TDĐTĐN ngày 28/3/2023 của Hiệu trưởng về việc ban hành Đề án tuyển sinh đại học năm 2023 của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 787/QĐ-TDĐTĐN-HĐTS ngày 28/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng về việc điều chỉnh Đề án tuyển sinh hệ đại học năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-TDĐTĐN-HĐTS ngày 23/8/2023 của Hiệu trưởng – Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng về việc phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển các ngành trình độ đại học hệ chính quy năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 945/TB-TDĐTĐN ngày 08/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng về việc Thông báo xét tuyển đợt bổ sung năm 2023; Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 114 thí sinh trúng tuyển đại học hệ chính quy, khóa 17 (2023 - 2027), đợt 2 năm 2023, bao gồm:

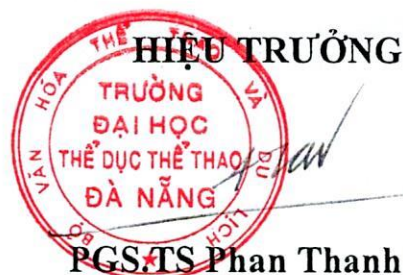
- 1) Ngành Quản lý Thể dục thể thao (mã 7810301): 10 thí sinh
- 2) Ngành Huấn luyện thể thao (mã 7810302): 104 thí sinh
(Có danh sách thí sinh trúng tuyển đính kèm)

Điều 2. Thí sinh trúng tuyển có trách nhiệm xác nhận nhập học đúng thời gian theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điều 3. Hội đồng tuyển sinh, Trường các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ GDĐH - Bộ GDĐT (báo cáo);
- Vụ Đào tạo - Bộ VHTTDL (báo cáo);
- Ban Giám hiệu, Chủ tịch HĐT;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐTQLKHHTQT.



PGS.TS Phan Thanh Hải

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 2
NGÀNH: QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 949/QĐ-TDĐTĐN ngày 09 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng)

ST T	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV ƯT	ĐT ƯT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Điểm ưu tiên	Điểm trúng tuyển
							VA	GD	VA	GD	NK1	GD				
1	ĐÀO NHẬT CHÍNH	06/02/2005	Nam	1		Gia lai	VA	6.6	GD	7.1	NK1	7.25	406	T05	0.75	21.70
2	LÊ HUY HOÀNG	13/02/2005	Nam	2		Nghệ An	VA	7.3	GD	7.9	NK1	9.25	406	T05	0.19	24.64
3	PHAN QUỐC THẮNG	11/07/2005	Nam	2NT		Quảng Ngãi	TO	6.9	GD	8.5	NK1	8.25	406	T08	0.42	24.07
4	VÕ VĂN BẢO TÚ	20/04/2005	Nam	3		Đà Nẵng	VA	8.1	SI	8.3	NK1	6.50	406	T03	0	22.90
5	PHẠM ĐAN ĐAN	27/10/2005	Nam	2NT		Quảng Nam	TO	6.9	GD	7	NK1	8.50	406	T08	0.5	22.90
6	NGÔ VĂN HIẾU	17/01/2005	Nam	2		Đà Nẵng	TO	6.8	GD	8.4	NK1	7.25	406	T08	0.25	22.70
7	PHẠM NGUYỄN MINH QUÂN	17/06/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	7.9	SI	8.4	NK1	9.0	406	T00	0	25.30
8	TRẦN QUỐC VIỆT	20/03/2005	Nam	3		Đà Nẵng	VA	5.6	SI	7.7	NK1	10	406	T03	0	23.30
9	LƯƠNG TRUNG THỊNH	16/12/2005	Nam	2		Nghệ An	TO	7.3	GD	6.6	NK1	9.0	406	T08	0.24	23.14
10	ĐINH VĂN QUANG	12/03/2005	Nam	1		Quảng Nam	TO	7.4	GD	8.4	NK1	8.0	406	T08	0.62	24.42

Danh sách này có 10 thí sinh

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 2

NGÀNH: HUẤN LUYỆN THỂ THAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 949/QĐ-TDĐTĐN ngày 09 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Điểm ưu tiên	Điểm trúng tuyển
1	HUỖNH NGỌC AN	01/01/2005	Nam	2NT		Quảng Nam	TO	6.2	GD	8.2	NK1	9.0	406	T08	0.44	23.84
2	NGUYỄN TRƯỜNG AN	07/04/2005	Nam	2NT		Quảng Trị	TO	8.6	GD	8.1	NK1	8.75	406	T08	0.3	25.75
3	HOÀNG VIỆT ANH	24/01/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.2	SI	7.8	NK1	9.0	303	T00	0	23.00
4	TRẦN ĐẶNG VĂN ANH	20/05/2005	Nam	2NT		Quảng Nam	TO	5.6	GD	7.9	NK1	8.5	406	T08	0.5	22.50
5	VŨ DUY ANH	13/08/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.3	SI	7.5	NK1	9.0	303	T00	0	22.80
6	VÕ THÁI BẢO	30/11/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.1	SI	7.7	NK1	9.0	303	T00	0	22.80
7	TRẦN ĐÌNH BÌNH	12/03/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	8.1	GD	8.3	NK1	8.5	406	T08	0	24.90
8	ĐÀO VĂN CẨM	12/03/2005	Nam	2NT		Quảng Ngãi	VA	5.5	GD	6.1	NK1	10	303	T05	0.5	22.10
9	NGUYỄN ĐẶNG VŨ CHƯƠNG	03/01/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.3	SI	7	NK1	9.0	303	T00	0	22.30
10	LÊ THÀNH CÔNG	02/02/2005	Nam	2		Nghệ An	TO	7.5	GD	7.8	NK1	9.0	303	T08	0.19	24.49
11	HUỖNH THẾ CƯỜNG	13/07/2005	Nam	2		Quảng Nam	TO	6.4	GD	8.6	NK1	8.5	406	T08	0.22	23.72
12	NGÔ TRƯỜNG NGUYỄN ĐẠI	12/06/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.6	SI	7.4	NK1	10	303	T00	0	24.00
13	KPÃ ĐAN	20/05/2002	Nam	3		Gia Lai	TO	6.5	SI	7	NK1	10	303	T00	0	23.50
14	HUỖNH TRUNG ĐẠT	08/04/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.3	SI	8.1	NK1	9.0	303	T00	0	23.40
15	NGUYỄN LÊ TẤN ĐẠT	14/11/2005	Nam	3		Đà Nẵng	VA	5.4	SI	7.7	NK1	10	406	T03	0	23.10
16	ĐẶNG THỊ NGỌC DIỄM	10/01/2000	Nữ	1		Gia Lai	TO	7.1	GD	7.3	NK1	6.5	406	T08	0.75	21.65
17	ĐẶNG PHƯỚC ĐỨC	17/05/2005	Nam	1		Thừa Thiên Huế	VA	5.9	GD	7.2	NK1	8.75	406	T05	0.75	22.60
18	ĐINH ANH DŨNG	09/05/2005	Nam	2NT		Quảng Bình	VA	5.3	GD	6.3	NK1	7.75	406	T05	0.5	19.85

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	ưu tiên	trúng tuyển
19	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	05/04/2005	Nam	1		Phú Yên	VA	5.4	SI	6.9	NK1	8.0	406	T03	0.25	20.55
20	A ĐƯỜNG	20/01/2005	Nam	1	1	Kon Tum	TO	6.4	SI	7.4	NK1	8.25	406	T00	2.75	24.80
21	HOÀNG THÀNH DUY	17/11/2004	Nam	3		Đà Nẵng	TO	8	GD	8.7	NK1	8.5	406	T08	0	25.20
22	TRƯƠNG MỸ DUYÊN	11/10/2005	Nữ	2NT		Quảng Ngãi	TO	8.5	GD	8.9	NK1	6.5	406	T08	0.41	24.31
23	TỪ CÔNG HẢI	29/05/2004	Nam	1		Gia Lai	VA	6.4	GD	7.9	NK1	7.5	406	T05	0.75	22.55
24	HỒ HẢI HÂN	05/01/2005	Nam	2NT		Đà Nẵng	TO	6.3	SI	6.4	NK1	9.0	303	T00	0.5	22.20
25	VÕ THỊ HOÀNG HÂN	28/10/2005	Nữ	1		Đắk Lắk	VA	6.4	SI	7	NK1	9.0	406	T03	0.75	23.15
26	NGUYỄN VĂN HẰNG	18/04/2001	Nam	2		Quảng Nam	TO	5.8	GD	7.7	NK1	8.5	406	T08	0	22.00
27	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	05/07/2004	Nữ	3		Đà Nẵng	TO	5.8	SI	6.9	NK1	9.0	303	T00	0	21.70
28	TRẦN ĐÌNH HÀO	18/05/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.4	SI	7.6	NK1	9.0	303	T00	0	23.00
29	NGUYỄN MINH HIẾU	15/11/2002	Nam	3		Đà Nẵng	TO	5.6	SI	4.9	NK1	10	303	T00	0	20.50
30	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	11/06/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.3	SI	8.3	NK1	10	303	T00	0	24.60
31	ATING THỊ MINH HUẾ	30/03/2005	Nữ	1	1	Quảng Nam	VA	7.2	GD	7	NK1	9.0	406	T05	2.49	25.69
32	LÊ CHẤN HÙNG	01/02/2005	Nam	2		Quảng Nam	TO	5.7	GD	8.4	NK1	9.75	406	T08	0.21	24.06
33	MAI TRẦN QUANG HUY	05/03/2005	Nam	2		Quảng Nam	TO	5.5	GD	8.7	NK1	8.5	406	T08	0.24	22.94
34	NGUYỄN NGỌC BẢO HUY	06/10/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	7.5	GD	8.8	NK1	9.5	406	T08	0	25.80
35	TRẦN QUỐC HUY	10/06/2005	Nam	2NT		Quảng Trị	VA	6.2	GD	7	NK1	9.00	406	T05	0.5	22.70
36	PHẠM MINH BẢO KHA	02/02/2000	Nam	3		Tiền Giang	TO	7.9	SI	7	NK1	10	303	T00	0	24.90
37	NGUYỄN TRUNG KHÁN	08/01/2005	Nam	2NT		Quảng Ngãi	TO	6.2	GD	7.2	NK1	10	303	T08	0.44	23.84
38	NGUYỄN PHÚC LÂM KHANG	21/01/2005	Nam	2		Quảng Nam	VA	5.4	GD	7.3	NK1	10	406	T05	0.24	22.94
39	TRẦN PHÚC KHANG	23/12/2005	Nam	2NT		Quảng Nam	VA	6.8	GD	6.3	NK1	9.0	406	T05	0.5	22.60
40	NGUYỄN BẢO ANH KHOA	03/01/2005	Nam	3		Đà Nẵng	VA	5.4	GD	6.6	NK1	7.25	406	T05	0	19.25
41	ĐINH VĂN KHUYẾN	09/09/2004	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.3	SI	7.1	NK1	9.0	303	T00	0	22.40
42	NGUYỄN QUANG LIÊM	23/11/2005	Nam	3		Đà Nẵng	VA	7.2	GD	8.3	NK1	6.5	406	T05	0	22.00
43	CAO NGỌC LINH	02/01/2003	Nam	3		Quảng Bình	TO	6.1	SI	6.9	NK1	9.5	406	T00	0	22.50
44	ĐẶNG NGỌC HÙNG LỘC	03/01/2004	Nam	3		Đà Nẵng	TO	7.4	SI	6.8	NK1	8.25	406	T00	0	22.45

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Điểm ưu tiên	Điểm trúng tuyển
45	HOÀNG HẢI LUÂN	06/07/2005	Nam	3		Đà Nẵng	VA	6.5	SI	6.4	NK1	9.0	303	T03	0	21.90
46	PHẠM QUỲNH NGA	21/09/2005	Nữ	2		Quảng Bình	TO	7.1	GD	7.8	NK1	9.0	406	T08	0.2	24.10
47	SIU NGANG	30/11/2005	Nam	1	1	Gia Lai	TO	8.3	GD	8.7	NK1	8.75	406	T08	1.56	27.31
48	NGUYỄN CHÍ NGHĨA	07/07/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.5	SI	7.8	NK1	9.0	303	T00	0	23.30
49	ĐẶNG NHẬT NGUYỄN	06/12/2005	Nam	2NT		Nghệ An	VA	7.8	GD	8.2	NK1	7.5	406	T05	0.43	23.68
50	NGUYỄN HOÀI NGUYỄN	03/10/1997	Nam	3		Đà Nẵng	TO	8.3	SI	8	NK1	10	303	T00	0	26.30
51	NGUYỄN THANH NHÂN	23/04/2004	Nam	3		Đà Nẵng	TO	7	SI	9.2	NK1	9.0	303	T00	0	25.20
52	TRẦN THỊ THẢO NHÂN	10/11/1995	Nữ	1		Kon Tum	TO	5.6	SI	7.3	NK1	10	303	T00	0	22.90
53	LÊ THỊ NHI	02/11/2003	Nam	3		Gia Lai	TO	8.5	SI	8.6	NK1	10	303	T00	0	27.10
54	ĐẶNG VĂN ANH NHƯ	27/08/2003	Nam	3		Bình Định	TO	6.4	GD	7.9	NK1	8.0	406	T08	0	22.30
55	YKHOER NIÊ	30/07/2001	Nam	3	1	Đà Nẵng	TO	6.7	SI	6.3	NK1	9.0	303	T00	2	24.00
56	A LĂNG NAM PHI	14/12/2004	Nam	1	1	Quảng Nam	VA	6.6	GD	8.3	NK1	9.0	406	T05	2.24	26.14
57	NGUYỄN NGỌC PHÚ	10/02/2002	Nam	3		Phú Yên	VA	6.4	SI	8.9	NK1	9.0	303	T03	0	24.30
58	ÔNG ĐỨC PHÚ	27/05/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.4	SI	6.9	NK1	9.0	303	T00	0	22.30
59	VÕ MAI HẢI PHÚ	29/07/2005	Nam	2		Quảng Ngãi	TO	6.4	GD	9.1	NK1	9.5	406	T08	0.17	25.17
60	NGUYỄN TÂN PHÚC	28/11/2001	Nam	2NT		Quảng Trị	TO	5.6	GD	8	NK1	9.5	406	T08	0.46	23.56
61	NGUYỄN THÀNH PHƯỚC	07/01/2004	Nam	3		Đà Nẵng	VA	7.2	SI	7.4	NK1	9.75	406	T03	0	24.35
62	NGUYỄN BÁ QUANG	10/12/2005	Nam	1		Gia lai	TO	7	GD	8.8	NK1	9.75	406	T08	0.45	26.00
63	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	24/06/2004	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.3	SI	7	NK1	10	303	T00	0	23.30
64	NGUYỄN TÂN QUỐC	15/12/2003	Nam	3		Đà Nẵng	TO	7.6	GD	7.1	NK1	9.5	406	T08	0	24.20
65	NGUYỄN QUÝ	10/06/2005	Nam	2NT		Quảng Ngãi	TO	6.9	SI	7.1	NK1	9.0	303	T00	0.47	23.47
66	VÕ THỊ HUỆ QUYÊN	04/01/2005	Nữ	2NT		Hà Tĩnh	VA	7.7	GD	8.6	NK1	9.0	406	T05	0.31	25.61
67	VÕ VĂN SANG	09/02/2003	Nam	3		Đà Nẵng	TO	7.4	GD	7.8	NK1	8.25	406	T08	0	23.45
68	LÊ TRUNG SƠN	04/12/2001	Nam	3		Nghệ An	VA	8	SI	6.7	NK1	9.0	303	T03	0	23.70
69	ĐINH VĂN TÀI	07/05/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	8.2	GD	8.8	NK1	9.25	406	T08	0	26.25
70	ĐỖ HÀ TÂM	16/08/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.7	SI	8.3	NK1	9.0	303	T00	0	24.00

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Điểm ưu tiên	Điểm trúng tuyển
							VA	GD	GD	NK1	NK1	NK1				
71	NGUYỄN DUY TẤN	13/03/2005	Nam	2		Quảng Ngãi	VA	6.3	GD	7	NK1	8.25	406	T05	0.25	21.80
72	TRẦN ĐÌNH TÀU	08/06/2003	Nam	3		Đà Nẵng	TO	7.2	GD	8	NK1	10	303	T08	0	25.20
73	TRẦN XUÂN THÁI	25/06/2005	Nam	2NT		Quảng Nam	VA	5.3	GD	7.4	NK1	8.0	406	T05	0.5	21.20
74	MAI BÁ THANH	17/04/2005	Nam	2NT		Quảng Trị	TO	6.7	GD	7.2	NK1	8.25	406	T08	0.5	22.65
75	NGUYỄN ĐĂNG THI	12/04/2004	Nam	2		Đà Nẵng	TO	7.7	GD	7.6	NK1	8.0	406	T08	0.22	23.52
76	HUỶNH NGỌC THIÊN	01/09/2003	Nam	3		Quảng Nam	TO	5.9	GD	6.3	NK1	10	406	T08	0	22.20
77	VÕ HOÀNG THIÊN	05/05/2005	Nam	1		Quảng Ngãi	TO	5.1	GD	7.3	NK1	8.25	406	T08	0.75	21.40
78	LÊ HUỶNH MINH THIÊN	01/11/2005	Nam	2		Quảng Nam	TO	7.1	GD	7.5	NK1	9.25	406	T08	0.21	24.06
79	NGUYỄN VĂN THỊNH	23/07/2003	Nam	3		Quảng Nam	VA	5.8	SI	7.1	NK1	10	303	T03	0	22.90
80	NGUYỄN VŨ THỊNH	10/01/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.5	SI	7.6	NK1	9.0	303	T00	0	23.10
81	PHẠM VĂN THỊNH	03/06/1993	Nam	3		Bắc Ninh	TO	5.6	SI	7.4	NK1	9.25	406	T00	0	22.25
82	LÊ ĐỨC THỌ	15/02/2001	Nam	3		Gia Lai	TO	6.1	GD	7.4	NK1	9.0	303	T08	0	22.50
83	HỒ THANH THOÁNG	28/10/2004	Nam	0		Quảng Nam	TO	6	GD	6.6	NK1	8.5	406	T08	0	21.10
84	PHẠM HUỶNH YẾN THƯ	01/01/2005	Nữ	2		Phú Yên	VA	8.2	GD	9.6	NK1	10	303	T05	0.07	27.87
85	LÊ VĂN THUẬN	01/05/2005	Nam	2NT		Nghệ An	TO	5.7	GD	6.5	NK1	8.75	406	T08	0.5	21.45
86	TỪ THANH THUẬN	15/07/1992	Nam	3		Tiền Giang	VA	6.4	GD	8.8	NK1	10	303	T05	0	25.20
87	LA LAY THỰC	30/08/2004	Nam	2NT		Quảng Trị	TO	6.3	SI	7.9	NK1	7.75	406	T00	0.5	22.45
88	PHẠM TẤN NHẬT TIÊN	22/03/2005	Nam	2NT		Thừa Thiên Huế	VA	5.1	SI	6.5	NK1	8.5	406	T03	0.5	20.60
89	TẠ MINH TIN	19/09/2005	Nam	2NT		Quảng Nam	VA	6.4	GD	7.9	NK1	7.5	406	T05	0.5	22.30
90	NGÔ TOÀN	22/12/2004	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.5	GD	7.3	NK1	9.75	406	T08	0	23.55
91	THÁI VIỆT MẠNH TOÀN	11/01/2005	Nam	2NT		Nghệ An	TO	8.2	GD	8.8	NK1	9.25	406	T08	0.25	26.50
92	HOÀNG THỊ TRANG	17/08/2004	Nữ	3		Đà Nẵng	TO	6	SI	8	NK1	9.0	303	T00	0	23.00
93	LƯƠNG THỊ THANH TRANG	03/03/2005	Nữ	3		Đà Nẵng	VA	6.5	SI	7.1	NK1	10	303	T03	0	23.60
94	NGUYỄN KIM QUYẾT TRÍ	29/07/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	6.1	SI	7.9	NK1	9.0	406	T00	0	23.00
95	PHẠM QUỐC TRỰC	02/02/2005	Nam	3		Đà Nẵng	TO	7.7	SI	8.9	NK1	8.5	406	T00	0	25.10
96	BÙI QUỐC THANH TÙNG	08/08/2005	Nam	3		Đà Nẵng	VA	5.6	SI	7.1	NK1	9.0	303	T03	0	21.70

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Điểm ưu tiên	Điểm trúng tuyển
97	LÊ THỊ THANH VÂN	06/02/2004	Nữ	3		Đà Nẵng	TO	7.5	SI	7.6	NK1	10	303	T00	0	25.10
98	NGUYỄN THỊ THÚY VÂN	01/08/2002	Nữ	3		Khánh hoà	TO	6.7	GD	8.6	NK1	10	303	T08	0	25.30
99	NGUYỄN THỊ KIỀU VI	03/09/2005	Nữ	2		Quảng Nam	TO	6	GD	8.2	NK1	10	406	T08	0.19	24.39
100	NGUYỄN THUẬN BẢO VIỆT	28/03/2004	Nam	3		Đà Nẵng	VA	6.5	SI	8.3	NK1	9.0	303	T03	0	23.80
101	A VINH	15/06/2003	Nam	1		Kon Tum	VA	5.4	SI	5.1	NK1	10	406	T03	0.75	21.25
102	PHẠM VĂN VƯƠNG	15/04/2004	Nam	3		Đà Nẵng	TO	7.4	SI	7.2	NK1	9.0	303	T00	0	23.60
103	HỒ THỊ XANH	12/05/2002	Nữ	3		Đà Nẵng	VA	8.2	GD	9.4	NK1	10	406	T05	0	27.60
104	NGUYỄN THÁI YÊN	23/02/2005	Nam	2NT		Quảng Nam	TO	6.9	GD	7.6	NK1	8.5	406	T08	0.47	23.47

Danh sách này có 104 thí sinh